

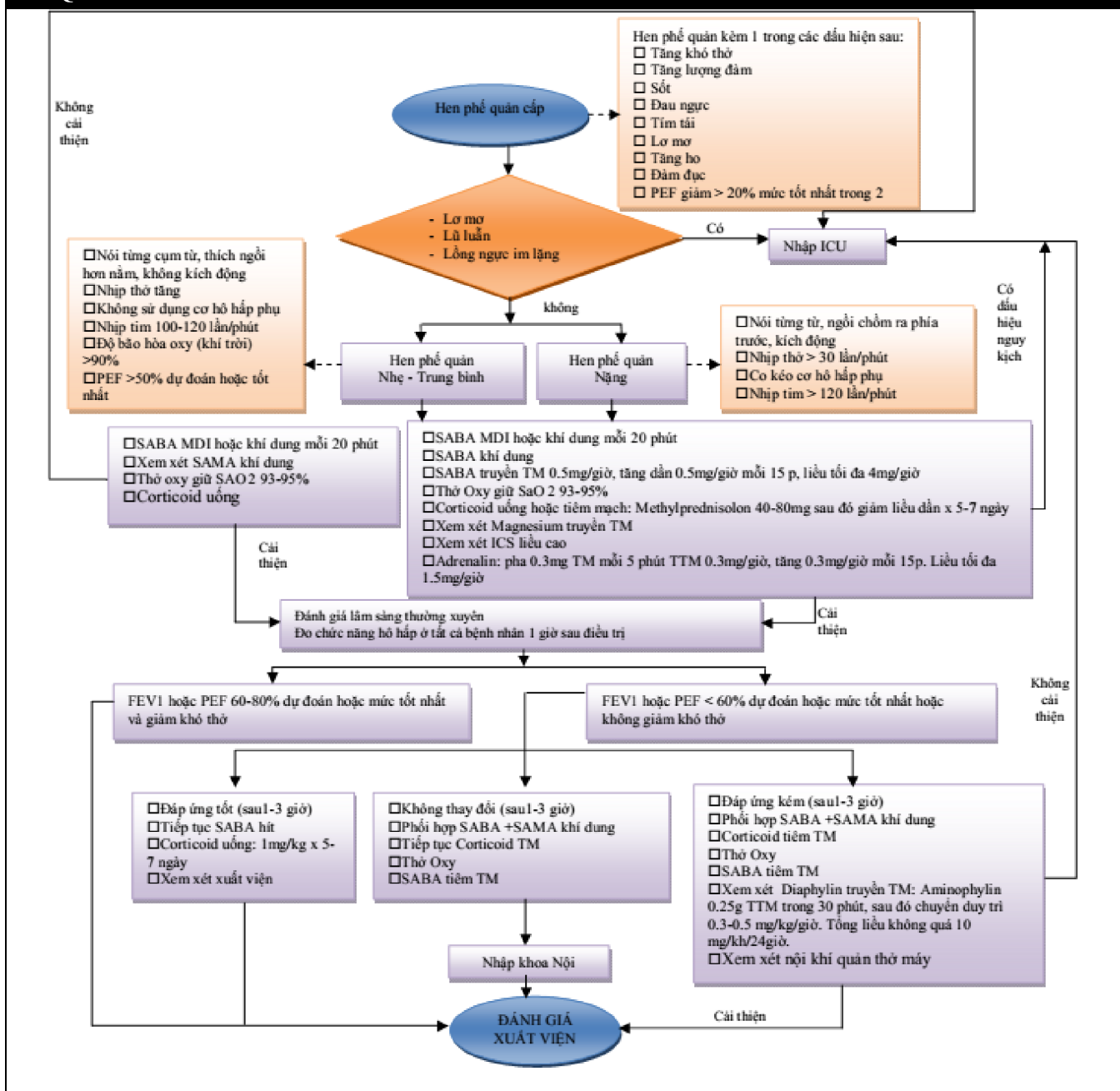
<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> Logo </div> <p style="text-align: center; font-weight: bold; margin-top: 20px;"> QUY TRÌNH CHUYÊN MÔN KCB HEN PHẾ QUẢN ĐỢT CẤP </p>	Họ và tên BN: Ngày sinh: Giới: Địa chỉ: Số phòng: Số giường: Mã BN/Số HSBA:
---	---

Lưu ý: Đánh dấu sự lựa chọn (“✓” : có “X” : không) vào ô . Khoang tròn nếu lựa chọn nội dung; (X) xem thêm chi tiết nội dung trong phụ lục x tương ứng.

1. ĐÁNH GIÁ TRƯỚC KHI VÀO QUY TRÌNH

Tiêu chuẩn đưa vào:	<input type="checkbox"/> Khó thở cấp nghi hen	<input type="checkbox"/> Đợt cấp hen phế quản
Tiêu chuẩn loại ra:	<input type="checkbox"/> Đợt cấp hen nguy kịch có chỉ định nhập ICU <input type="checkbox"/> Đợt cấp hen phế quản điều trị ngoại trú	<input type="checkbox"/> Hen phế quản giai đoạn ổn định <input type="checkbox"/> Có bệnh đồng mắc
Tiền căn dị ứng:	<input type="checkbox"/> Phân hoa <input type="checkbox"/> Rượu bia <input type="checkbox"/> Lông thú <input type="checkbox"/> Thời tiết	<input type="checkbox"/> Mọc nhà <input type="checkbox"/> Thức ăn <input type="checkbox"/> Khói thuốc <input type="checkbox"/> Thuốc

2. QUY TRÌNH CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ



3. NGUYÊN TẮC CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ**NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ**

- Điều trị tích cực dựa vào mức độ nặng cơn hen và đáp ứng với điều trị ban đầu
- Đánh giá các yếu tố nguy cơ tử vong
- Kế hoạch điều trị kiểm soát sau xuất viện

XỬ TRÍ CẤP CỨU**■ CÓ****■ KHÔNG**

Dấu hiệu	Xử trí
<input type="checkbox"/> Lơ mơ, ngủ gà <input type="checkbox"/> Kích động, bứt rứt <input type="checkbox"/> Lòng ngực yên lặng <input type="checkbox"/> Khó thở <input type="checkbox"/> Thở co kéo cơ hô hấp <input type="checkbox"/> Thở nhanh <input type="checkbox"/> Tím tái <input type="checkbox"/> Tụt huyết áp <input type="checkbox"/> SpO ₂ < 92%	<input type="checkbox"/> Thở oxy sonde mũi <input type="checkbox"/> Thở oxy mask venturi <input type="checkbox"/> Kích thích beta2 tiêm truyền (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> SABA MDI hoặc khí dung (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> SAMA MDI hoặc khí dung (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> Corticoid khí dung (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> Corticoid đường toàn thân (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> Kháng sinh (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> Theophyllin truyền TM (hoạt chất, liều lượng):..... <input type="checkbox"/> Adrenaline truyền TM (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> Nhập ICU

CHỈ ĐỊNH NHẬP VIỆN TRONG ĐỢT HEN KỊCH PHÁT

- Cơn hen nặng hoặc nguy kịch
- FEV₁/PEF < 25% mức dự đoán hoặc tốt nhất hoặc FEV₁/PEF < 40% mức dự đoán hoặc tốt nhất
- FEV₁/PEF 40-60% mức dự đoán hoặc tốt nhất + yếu tố nguy cơ tử vong do hen
- Giới nữ, lớn tuổi và sắc dân da trắng
- Dùng hơn 8 nhát SABA trong 24 giờ qua
- Tiền sử cơn hen nặng (thở máy xâm lấn, ...)
- Sử dụng corticoid uống kéo dài trước đó

CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ TỬ VONG DO HEN

- Bệnh sử hen dọa tử vong, cần đặt nội khí quản và thở máy
- Nhập viện hoặc thăm khám cấp cứu do hen trong năm vừa qua
- Đang sử dụng hoặc vừa mới ngưng sử dụng thuốc corticoid uống
- Hiện tại không sử dụng corticoid dạng hít
- Sử dụng SABA quá mức, nhất là sử dụng hơn một ống salbutamol (hoặc tương đương) mỗi tháng.
- Tiền sử bệnh tâm thần hoặc có vấn đề tâm lý – xã hội
- Tuân thủ việc dùng thuốc hen kèm và/hoặc tuân thủ kém
- Dị ứng thức ăn ở bệnh nhân hen

CHỈ ĐỊNH THỞ MÁY TRONG ĐỢT HEN KỊCH PHÁT

- Bệnh nhân có biểu hiện môi cơ
- Có rối loạn ý thức
- Khí máu động mạch: PaCO₂ > 50 mmHg hoặc PaO₂ < 50 mmHg hoặc pH < 7,3
- Cơn hen không giảm dù điều trị tích cực
- Cơn hen có giảm nhưng lại nặng lên trong vòng 12-24 giờ

4. DIỄN TIẾN BỆNH, XỬ TRÍ VÀ CHĂM SÓC					
MỤC	N1	N2	N3	Nn
1. LÂM SÀNG	Đánh dấu (✓) vào ô vuông nếu có, mô tả				
Khạc đàm đục	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ho	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đàm khó khạc	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khó thở gắng sức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đau ngực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khó thở về đêm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Rối loạn tri giác	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tím tái	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Phù	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tăng HA	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tụt huyết áp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sốt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thở nhanh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
SpO2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Rối loạn nhịp tim	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tĩnh mạch cổ nổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thở cơ kéo cơ hô hấp phụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hô hấp nghịch thường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kéo dài thì thở ra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ran rít, ngáy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ran nổ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chế độ ăn uống	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tình trạng tiêu tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Vận động	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khác:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. CẬN LÂM SÀNG					
CTM	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
XQ phổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khí máu động mạch	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ECG	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Urê/Creatinin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
GOT/GPT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
CRP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Procalcitonin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cấy nhuộm gram đàm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Albumin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điện giải đồ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
D-dimer	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nồng độ theophyllin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Siêu âm tim	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khác:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. ĐIỀU TRỊ					
Nghỉ ngơi tại giường	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thở oxy sonde mũi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	N1	N2	N3	Nn
Thở oxy mask venturi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kích thích beta2 tiêm truyền (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
SABA MDI hoặc khí dung (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
SAMA MDI hoặc khí dung (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Corticoid khí dung (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
LABA/ICS (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
LAMA (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Corticoid đường toàn thân (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kháng sinh (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thở máy không xâm lấn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Theophyllin truyền TM (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Adrenaline truyền TM (hoạt chất, liều lượng)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. CHĂM SÓC					
Chế độ ăn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Vật lý trị liệu hô hấp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5. XUẤT VIỆN

Tiêu chuẩn xuất viện	<input type="checkbox"/> Triệu chứng cải thiện, không cần SABA <input type="checkbox"/> Độ bão hòa oxy > 94% với khí trời <input type="checkbox"/> Nguồn lực tại nhà đầy đủ <input type="checkbox"/> Có kế hoạch chăm sóc tại nhà	<input type="checkbox"/> PEF cải thiện, và 60-80% tốt nhất của cá nhân hoặc dự đoán <input type="checkbox"/> BN hiểu đầy đủ: ý nghĩa và cách dùng thuốc xịt, tái khám, kế hoạch theo dõi bệnh.
Sắp xếp khi về	<input type="checkbox"/> Thuốc cắt cơn: tiếp tục khi cần <input type="checkbox"/> Thuốc kiểm soát: bắt đầu hoặc xem xét nâng bậc	<input type="checkbox"/> Prednisolon: tiếp tục, thường 5-7 ngày <input type="checkbox"/> Theo dõi: tái khám trong 2-7 ngày
Hướng điều trị tiếp theo	<input type="checkbox"/> SABA(hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> SAMA(hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> LABA(hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> LABA/ICS (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> LAMA (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> Corticoid uống (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> Theophyllin (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> Kháng sinh (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> Kháng leukotriene (hoạt chất, liều lượng): <input type="checkbox"/> Kháng IgE (hoạt chất, liều lượng):.....	

6. QUẢN LÝ VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN

- Kiểm soát yếu tố kích phát và chiến lược dự phòng
- Cai thuốc lá
- Phục hồi chức năng hô hấp
- Hiểu và sử dụng bảng kế hoạch hành động

7. PHỤ LỤC**Phụ lục 1: Liều thuốc ICS hít**

Thuốc	Liều hằng ngày (mcg)		
	Thấp	Trung bình	Cao
Beclomethasone dipropionate (CFC)	200 - 500	> 500 - 1000	> 1000
Beclomethasone dipropionate (HFA)	100 - 200	>200 - 400	> 400
Budesonide (DPI)	200 - 400	> 400 - 800	> 800
Ciclesonide (HFA)	80 - 160	> 160 - 320	> 320
Fluticasone propionate (DPI)	100 - 250	> 250 - 500	> 500
Fluticasone propionate (HFA)	100 - 250	> 250 - 500	> 500
Mometasone furoate	110 - 220	> 220 - 440	> 440
Triamcinolone acetonide	400 - 1000	> 1000 - 2000	> 2000

Phụ lục 2: Các thuốc dẫn phế quản và corticoid

Thuốc	Dạng hít (μ g)	Khí dung (mg/ml)	Uống (mg)	Tiêm truyền (mg)	Thời gian bán hủy (giờ)
Cường β_2 tác dụng nhanh và ngắn (SABA)					
<i>Fenoterol</i>	100-200 (MDI)	1	0.05% (sirô)		4-6
<i>Salbutamol</i>	100, 200 (MDI)	0,5%	2, 4 (viên) 60/150ml sirô	0,5	4-6
<i>Terbutalin</i>	400- 500 (DPI)	2,5; 5	2,5; 5 (viên)	0,5	4-6
Cường β_2 tác dụng chậm và kéo dài (LABA)					
<i>Formoterol</i>	4,5 - 12 (MDI, DPI)				≥ 12
<i>Salmeterol</i>	25 - 50 (MDI, DPI)				≥ 12
Kháng phó giao cảm tác dụng nhanh (SAMA)					
<i>Ipratropium bromid</i>	20, 40 (MDI)	0,25 – 0,5			6-8
Kháng phó giao cảm tác dụng kéo dài (LAMA)					
<i>Tiotropium</i>	18 (DPI)				≥ 24
Kết hợp cường β_2 với kháng phó giao cảm dạng hít					
<i>Fenoterol/ Ipratropium</i>	50/20 (MDI)	0,5/0,25			6-8
<i>Salbutamol/ Ipratropium</i>	100/20 (MDI)	2,5 / 0,5			6-8
Methylxanthin					
<i>Aminophylin</i>			200–300(viên)	240 mg	Thay đổi, có thể đến 24
<i>Theophylin</i>			100 – 600 (viên)		≥ 12
Glucocorticosteroids dạng hít (ICS)					
<i>Beclomethason</i>	100, 250, 400 (MDI)				
<i>Budesonid</i>		0,5			
<i>Fluticason</i>	50, 500 (MDI)				
<i>Triamcinolon</i>		40		40	
Kết hợp cường β_2 tác dụng kéo dài với corticosteroid dạng hít (LABA+ICS)					
<i>Formoterol/ Budesonid</i>	4,5/ 80, 160 (DPI)				
<i>Salmeterol/ Fluticason</i>	50/100,250,500 (DPI) 25/50,125, 250 (MDI)				
Corticosteroid toàn thân					
<i>Prednisolon</i> <i>Methyl-prednisolon</i>			5-20 (viên) 4, 8, 16 (viên)	40	